ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3176 /QĐ-UBND	*Huế, ngày 24 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án "Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định 403/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính ban hành chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phát triển giáo dục tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (nay là thành phố Huế);

Căn cứ Kế hoạch số 414/KH-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5154 /TTr-SGDĐT ngày 16 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án "Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050".

(Kèm theo Đề án)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Y tế; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội; Chủ tịch Hội Người khuyết tật - Bảo trợ Người khuyết tật và Trẻ mồ côi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c);
- UBND thành phố Huế: CT, các PCT;
- VP UBND thành phố Huế: PCVP và các CV;
- Lưu: VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Trần Hữu Thùy Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I
SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục đối với người khuyết tật được xem là một nội dung quan trọng trong chính sách phát triển bền vững, gắn với quyền con người. Các công ước và chương trình quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật (CRPD, 2006) và Chương trình Nghị sự 2030, đều nhấn mạnh đến việc bảo đảm quyền được học tập, tham gia xã hội và phát triển toàn diện của người khuyết tật.

Ở nước ta, quyền học tập của trẻ em, trong đó có trẻ em khuyết tật, được Nhà nước ghi nhận và bảo đảm trong nhiều văn bản pháp luật. Việt Nam là quốc gia Châu Á đầu tiên phê chuẩn Công ước quốc tế về quyền trẻ em (1990). Hệ thống luật pháp trong nước như Luật Người khuyết tật (2010), Luật Giáo dục (2019) và các nghị định, thông tư hướng dẫn đã tạo khung pháp lý quan trọng cho việc thực hiện quyền được giáo dục của người khuyết tật. Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội, công tác bảo đảm an sinh xã hội nói chung và chăm lo cho người khuyết tật nói riêng đạt nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức trong việc mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục phù hợp.

Tại thành phố Huế, là trung tâm văn hóa, y tế, giáo dục lớn của cả nước, công tác chăm lo cho người khuyết tật được đặc biệt quan tâm. Hiện toàn thành phố có khoảng 32.000 người khuyết tật, trong đó 27.244 người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và được cấp thẻ bảo hiểm y tế; 1031 người khuyết tật đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập (theo số liệu tổng hợp đến tháng 10/2025 của Sở Y tế). Bên cạnh những kết quả đạt được, địa phương vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của hậu quả chiến tranh, thiên tai và biến đổi khí hậu, gây nhiều khó khăn trong việc triển khai đầy đủ các chính sách giáo dục cho người khuyết tật.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng Đề án "Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" là yêu cầu cấp thiết, nhằm bảo đảm quyền học tập và cơ hội phát triển cho người khuyết tật trên địa bàn thành phố Huế.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN

1. Cơ sở pháp lý

- Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em (Việt Nam phê chuẩn ngày 20 tháng 02 năm 1990);

- Công ước Liên Hợp Quốc về Quyền của người khuyết tật (Việt Nam ký ngày 22 tháng 10 năm 2007, phê chuẩn ngày 28 tháng 11 năm 2014);

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

- Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch và Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật;

- Nghị quyết số 84/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội phê chuẩn Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật;

- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

- Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 năm 8 tháng 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;

- Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định số 1438/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018 – 2025;

- Quyết định số 1100/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền của Người khuyết tật;

- Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật;

- Thông tư số 20/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;

- Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật;

- Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính ban hành chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

- Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) về phát triển giáo dục giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kế hoạch số 414/KH-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 25/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Thực trạng đối với vấn đề giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam

Ở Việt Nam, giáo dục cho người khuyết tật được xác định là một bộ phận không thể tách rời của hệ thống giáo dục quốc dân, nhằm bảo đảm quyền học tập bình đẳng của mọi công dân. Theo Luật người khuyết tật năm 2010, giáo dục cho người khuyết tật được thực hiện theo ba phương thức: giáo dục hòa nhập, giáo dục bán hòa nhập và giáo dục chuyên biệt**.** Trong đó, giáo dục hòa nhập được ưu tiên, phù hợp với xu thế quốc tế, khẳng định quan điểm "mọi trẻ em đều có quyền được học tập trong môi trường bình thường, không phân biệt tình trạng sức khỏe, giới tính, hoàn cảnh".

Kể từ năm 1990, Nhà nước ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách nhằm bảo đảm trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục bình đẳng như các trẻ em khác. Nội dung này được nhấn mạnh trong Kế hoạch quốc gia "Giáo dục hòa nhập đến năm 2015", với mục tiêu đến năm 2015 tất cả trẻ khuyết tật đều có cơ hội được học tập trong môi trường hòa nhập. Để thực hiện cam kết quốc tế và khu vực, Việt Nam đã xây dựng một khung pháp lý khá đầy đủ ở nhiều cấp độ, từ Hiến pháp, luật đến các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

Các chính sách này được cụ thể hóa thông qua việc thành lập Ban Chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ở Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương. Ở Việt Nam đã phát triển hệ thống đa dạng các mô hình giáo dục cho trẻ khuyết tật, bao gồm giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và giáo dục chuyên biệt.

Hiện nay, cả nước có khoảng hơn 100 cơ sở giáo dục chuyên biệt, trên 20 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp tỉnh, cùng nhiều lớp chuyên biệt được mở tại các trường phổ thông. Các trung tâm này thực hiện nhiều chức năng quan trọng như: tư vấn, hỗ trợ phụ huynh, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, can thiệp sớm cho trẻ và kết nối cộng đồng. Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã chỉ đạo chuẩn hóa ngôn ngữ ký hiệu, chữ nổi Braille, xây dựng chương trình giáo dục đặc biệt và mở các khoa Giáo dục đặc biệt tại nhiều trường đại học sư phạm, nhằm đào tạo đội ngũ giáo viên chuyên môn.

Tuy nhiên, giữa chính sách và thực tiễn vẫn còn tồn tại nhiều khoảng cách. Việc triển khai các quy định pháp luật còn chưa đồng đều giữa các địa phương, phụ thuộc nhiều vào nguồn lực sẵn có. Nguồn ngân sách dành cho giáo dục trẻ khuyết tật còn hạn chế và chưa ổn định; việc xã hội hóa giáo dục đã có kết quả nhưng thiếu tính bền vững. Cơ sở vật chất của nhiều trường chưa đáp ứng yêu cầu tiếp cận của trẻ khuyết tật; thiết bị trợ giúp như xe lăn, máy trợ thính, phần mềm hỗ trợ hay tài liệu chuyên biệt thường phải do gia đình hoặc tổ chức xã hội tài trợ. Nguồn nhân lực cũng là một thách thức lớn: phần lớn giáo viên dạy trẻ khuyết tật là kiêm nhiệm, được tập huấn ngắn hạn, trong khi số lượng giáo viên có bằng cấp chính quy về giáo dục đặc biệt còn rất thấp.

Ngoài ra, công tác phối hợp liên ngành giữa giáo dục – y tế – lao động – xã hội trong việc phát hiện sớm, can thiệp sớm và hỗ trợ lâu dài cho trẻ khuyết tật chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quyền học tập của trẻ khuyết tật còn hạn chế, dẫn đến tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử vẫn tồn tại ở nhiều nơi. Nhiều cán bộ quản lý và giáo viên còn băn khoăn, chưa sẵn sàng tiếp nhận học sinh khuyết tật do ngại khó và thiếu hiểu biết về chính sách.

Mặc dù vậy, những năm gần đây, số lượng trẻ khuyết tật được đến trường đã tăng lên đáng kể, nhiều em được hưởng lợi từ các chương trình hỗ trợ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống và tạo cơ hội hòa nhập xã hội. Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong xây dựng hành lang pháp lý, phát triển mô hình giáo dục đa dạng và từng bước mở rộng cơ hội học tập cho trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, để thực sự bảo đảm quyền học tập bình đẳng, cần tiếp tục tăng cường nguồn lực tài chính, đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, đẩy mạnh phối hợp liên ngành và thay đổi nhận thức xã hội, từ đó tạo điều kiện để trẻ khuyết tật tự tin hòa nhập và phát triển toàn diện.

2.2. Thực trạng người khuyết tật trên địa thành phố

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Huế có khoảng 32.000 người khuyết tật, chiếm 2,58% dân số toàn thành phố; trong đó nữ người khuyết tật chiếm tỷ lệ 44,71% trên tổng số người khuyết tật. Hiện có 1.031 người khuyết tật đang được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập.

a) Người khuyết tật theo dạng tật

- Dạng khuyết tật: Theo số liệu thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo về người khuyết tật trong độ tuổi đến trường theo dạng tật trên địa bàn thành phố Huế, khuyết tật trí tuệ chiếm tỷ lệ cao nhất với 35,22%, tiếp đến là khuyết tật vận động chiếm 15,59%; khuyết tật nghe – nói chiếm 9,03%; khuyết tật thần kinh, tâm thần chiếm

8,08%; và các dạng khuyết tật khác chiếm 22,05%. Sự chênh lệch về tỷ lệ giữa các dạng khuyết tật phản ánh bức tranh tổng thể về tình hình người khuyết tật trên địa bàn thành phố, qua đó làm cơ sở để xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình hỗ trợ phù hợp cho từng nhóm đối tượng.

- Tình hình cấp giấy xác nhận khuyết tật: Toàn thành phố Huế hiện có 28.316 người khuyết tật đã được xác định dạng tật, mức độ khuyết tật và cấp giấy xác định mức độ khuyết tật, trong đó chia theo dạng tật cụ thể: khuyết tật vận động 12.946 người, khuyết tật nghe và nói 1.744 người, khuyết tật nhìn 1.512 người, khuyết tật thần kinh tâm thần 5.639 người, khuyết tật trí tuệ 2.813 người và khuyết tật khác 3.662 người (theo báo cáo của Sở Y tế).

b) Người khuyết tật theo độ tuổi

Tỷ lệ người khuyết tật từ 16 đến 59 tuổi chiếm khoảng 51,75%; tỷ lệ người khuyết tật dưới 16 tuổi chiếm khoảng 10,60% và tỷ lệ người khuyết tật trên 60 tuổi chiếm khoảng 37,65%.

c) Thực trạng thực hiện chính sách đối với người khuyết tật

- Chính sách người khuyết tật đang được hưởng: Tính đến tháng 10 năm 2025, trên địa bàn thành phố Huế có 27.244 người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng và được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế; 1.031 người đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập. Tỷ lệ người khuyết tật được hưởng chính sách trợ giúp xã hội chiếm đa số, thể hiện mức độ bao phủ rộng và tính phù hợp của chính sách trong việc hỗ trợ các nhóm yếu thế, đặc biệt là người khuyết tật.

- Chính sách về giáo dục: Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật, cùng các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cấp có thẩm quyền, trong thời gian qua, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Huế đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các chính sách đối với người khuyết tật, đặc biệt là học sinh khuyết tật và nhà giáo trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật.

+ Đối với học sinh khuyết tật: học sinh khuyết tật được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013; được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Việc học hòa nhập được bảo đảm quyền học tập bình đẳng, chất lượng, phù hợp với đặc điểm và năng lực của từng học sinh. Hầu hết các cơ sở giáo dục trên địa bàn đều thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với học sinh khuyết tật.

+ Đối với nhà giáo trực tiếp dạy học sinh khuyết tật: Các cơ sở giáo dục đã thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên giảng dạy học sinh khuyết tật theo quy định tại Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP. Từ năm học 2017–2018 đến năm học 2024–2025, toàn thành phố có 22.097 lượt giáo viên được hưởng chế độ chính sách theo quy định.

2.3. Thực trạng công tác giáo dục học sinh khuyết tật ở thành phố Huế

Hiện nay, trên địa bàn thành phố Huế có 1.912 học sinh khuyết tật trong độ tuổi từ 0 đến 18 tuổi. Trong đó, có 521 trẻ đang theo học tại các cơ sở giáo dục từ mầm

non đến trung học phổ thông (mầm non: 77 trẻ; tiểu học: 252 trẻ; trung học cơ sở: 156 trẻ; trung học phổ thông: 36 trẻ). Bên cạnh đó, có 348 trẻ chưa từng đi học (chiếm 18,20%), 1.043 trẻ đã từng đi học (chiếm 54,55%) nhưng hiện có 294 trẻ đã thôi học (chiếm 15,37%).

Nhiều trẻ khuyết tật vẫn gặp khó khăn trong quá trình hòa nhập; một số trường hợp còn bị tách biệt ngay trong môi trường giáo dục hòa nhập. Nhóm trẻ khuyết tật không theo học hoặc đã thôi học nhìn chung chưa nhận được sự quan tâm, hỗ trợ đầy đủ từ gia đình, nhà trường và cộng đồng để có thể hòa nhập xã hội.

(Nguồn theo báo cáo thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo tháng 02/2025)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu	
			Tổng số	Ghi chú
1	Số cơ sở giáo dục chuyên biệt	Cơ sở	0	
2	Số trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Trung tâm	07	Tư thục
3	Số cơ sở giáo dục mầm non có lớp chuyên biệt cho học sinh khuyết tật	Cơ sở	1	Mầm non
4	Số cơ sở giáo dục phổ thông có lớp chuyên biệt cho học sinh khuyết tật	Cơ sở	6	Tiểu học
5	Số cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật học hòa nhập	Cơ sở	521	
6	Số giáo viên tham gia dạy trẻ khuyết tật theo phương thức hòa nhập trong các cơ sở giáo dục phổ thông	Người	5345	
7	Số trẻ em khuyết tật đi nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non	Trẻ	77	
8	Số trẻ khuyết tật học Tiểu học	Học sinh	252	
9	Số trẻ khuyết tật học Trung học cơ sở	Học sinh	156	
10	Số trẻ khuyết tật học Trung học phổ thông	Học sinh	36	
11	Số trẻ khuyết tật đang học trong các cơ sở giáo dục bán hòa nhập (lớp chuyên biệt trong nhà trường)	Học sinh	182	Mầm non: 8 Tiểu học: 174

Thực trạng hiện nay vẫn còn nhiều trẻ em chưa được gia đình và cộng đồng thừa nhận là người khuyết tật. Do nhiều nguyên nhân khác nhau như tâm lý mặc cảm, lo sợ bị kỳ thị hoặc phân biệt đối xử, nhiều bậc cha mẹ và cả trẻ khuyết tật chưa sẵn sàng thừa nhận tình trạng khuyết tật của con em mình hoặc của bản thân. Vì vậy, hiện chưa có số liệu thống kê đầy đủ về nhóm trẻ khuyết tật này, đồng nghĩa với việc các em chưa được tiếp cận các dịch vụ giáo dục, nuôi dưỡng và chăm sóc phù hợp như những trẻ khuyết tật khác, làm giảm tính công bằng và bình đẳng trong tiếp cận giáo dục.

Dưới góc độ giáo dục, trẻ khuyết tật được hiểu là những trẻ có khiếm khuyết về cấu trúc hoặc suy giảm chức năng cơ thể, dẫn đến gặp khó khăn nhất định trong hoạt động cá nhân, xã hội và học tập theo chương trình giáo dục phổ thông. Do đó, trẻ khuyết tật có ít cơ hội phát triển toàn diện và hòa nhập xã hội. Nếu tình trạng này

tiếp diễn, sẽ khó đạt được mục tiêu "80% trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục" theo Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021–2030 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch thực hiện của Ủy ban nhân dân thành phố.

Hiện nay, trên địa bàn thành phố chưa có trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập nhằm tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật được hưởng quyền học tập cơ bản. Toàn thành phố mới có 07 trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập tư thục (03 trung tâm tại phường Thuận Hóa, 02 trung tâm tại phường An Cựu, 01 trung tâm tại phường Mỹ Thượng, 01 trung tâm tại phường Phú Bài). Tuy nhiên, quy mô và phạm vi hoạt động còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu xã hội; học phí tương đối cao (từ 2,5 – 5 triệu đồng/học sinh/tháng) khiến nhiều gia đình có hoàn cảnh khó khăn không thể cho con theo học.

Mô hình giáo dục hòa nhập và giáo dục bán hòa nhập cho trẻ khuyết tật từ bậc mầm non đến trung học phổ thông chưa được liên thông, dẫn đến việc học tập của trẻ khuyết tật bị gián đoạn khi chuyển cấp. Mạng lưới tư vấn, hỗ trợ phát triển hòa nhập, phát hiện sớm, can thiệp sớm và phục hồi chức năng cho học sinh khuyết tật tại các khu vực dân cư (liên phường/xã) hiện chưa được hình thành.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất tiếp cận cho học sinh khuyết tật tại nhiều trường học còn thiếu và chưa đồng bộ; các hạng mục như lối đi, nhà vệ sinh dành cho học sinh sử dụng xe lăn chưa được xây dựng đầy đủ, đảm bảo. Trang thiết bị dạy học và thiết bị hỗ trợ còn hạn chế; nhiều cơ sở giáo dục chưa có phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập dành riêng cho học sinh khuyết tật.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC HỌC SINH KHUYẾT TẬT

1. Kết quả đạt được

Các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố Huế cơ bản đã triển khai thực hiện đầy đủ nhiệm vụ giáo dục hòa nhập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung giáo dục hòa nhập bao gồm: tổ chức dạy học cho trẻ khuyết tật; tư vấn, hỗ trợ giáo dục hòa nhập; phục hồi chức năng; hướng dẫn kỹ năng di chuyển, lao động tự phục vụ, sinh hoạt hằng ngày và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Hiện nay, tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non có tổ chức giáo dục hòa nhập là 37,01% (77/208), tỷ lệ trẻ khuyết tật đi học tại các trường mầm non là 92,08% (128/139); đi học tại các trường tiểu học là 94,9% (743/783); đi học tại các trường trung học cơ sở là 92,2% (642/696) và đi học tại các trường trung học phổ thông là 55,9% (160/286).

Trong những năm qua, các cấp, các ngành của thành phố đã quan tâm ban hành và triển khai nhiều chính sách, giải pháp hỗ trợ người khuyết tật. Một số địa phương có cơ chế đặc thù dành riêng cho giáo dục trẻ khuyết tật; đồng thời, nhận được sự đồng hành tích cực của các tổ chức phi chính phủ, tổ chức từ thiện và các nhà hảo tâm trong việc chăm lo, hỗ trợ học sinh khuyết tật.

Công tác giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trên địa bàn thành phố đã có nhiều chuyển biến tích cực. Ngành Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện nghiêm túc việc tiếp nhận học sinh khuyết tật vào học tại các trường công lập ở tất cả các bậc

học, cấp học theo phương thức giáo dục hòa nhập; đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến người khuyết tật cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên các cấp học.

Đội ngũ nhà giáo đã được quán triệt về nhiệm vụ giáo dục học sinh khuyết tật; đa số giáo viên mầm non và phổ thông được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật. Các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông trên địa bàn đã chủ động triển khai công tác giáo dục học sinh khuyết tật theo các mô hình bán hòa nhập, hòa nhập, đồng thời thực hiện nhiều giải pháp thiết thực nhằm huy động trẻ khuyết tật trong độ tuổi ra lớp.

Công tác điều chỉnh nội dung, chương trình dạy học phù hợp với từng đối tượng khuyết tật được chú trọng; việc kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ học sinh khuyết tật được thực hiện thường xuyên. Nhờ đó, chất lượng giáo dục học sinh khuyết tật trên địa bàn thành phố ngày càng được nâng cao.

2. Tồn tại, hạn chế

Công tác giáo dục trẻ khuyết tật còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện, ảnh hưởng đến hiệu quả và tính bền vững của hoạt động giáo dục hòa nhập trên địa bàn, cụ thể là:

(1) Công tác phát hiện và tiếp cận giáo dục đối với trẻ khuyết tật còn hạn chế: Hiện vẫn còn một bộ phận trẻ khuyết tật chưa được phát hiện và tiếp cận giáo dục do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan. Đặc biệt, nhóm trẻ có mức độ khuyết tật nặng hoặc có nhu cầu giáo dục đặc biệt cao chưa được quan tâm, chăm sóc và hỗ trợ giáo dục đúng mức.

(2) Chất lượng giáo dục hòa nhập còn thấp và thiếu tính liên thông: Hoạt động giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục còn ở mức hạn chế; nhiều trẻ khuyết tật chưa được tiếp tục học lên các cấp học cao hơn.

(3) Công tác giáo dục nghề và tạo việc làm cho học sinh khuyết tật còn hạn chế: Nhiều học sinh khuyết tật lớn tuổi sau khi hoàn thành chương trình phổ thông chưa được tiếp tục học nghề, chưa có cơ hội tìm kiếm việc làm phù hợp, dẫn đến giảm động lực học tập và nhu cầu tham gia giáo dục hòa nhập của bản thân.

(4) Công tác sàng lọc, phát hiện và can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật mầm non chưa được triển khai hiệu quả: trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non chưa được sàng lọc, phát hiện và can thiệp sớm một cách hệ thống, khiến nhiều trẻ không có đủ điều kiện để tham gia giáo dục hòa nhập hoặc các mô hình giáo dục phù hợp sau giai đoạn can thiệp sớm.

3. Nguyên nhân

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Thiếu đội ngũ cán bộ và chuyên gia hỗ trợ chuyên môn: Đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn, hỗ trợ chuyên môn cho các lực lượng tham gia giáo dục trẻ khuyết tật còn thiếu và chưa được đào tạo bài bản. Vì vậy, nhiều trẻ khuyết tật chưa được phát hiện, đánh giá và can thiệp kịp thời để có thể tham gia học hòa nhập đúng độ tuổi. Giáo viên mầm non, tiểu học và trung học trực tiếp giảng dạy trẻ khuyết tật chưa được tập huấn đầy đủ về giáo dục hòa nhập, thiếu kỹ năng chuyên biệt khi gặp

khó khăn trong quá trình dạy học. Bên cạnh đó, phụ huynh học sinh khuyết tật cũng chưa được tư vấn, hướng dẫn kịp thời để đồng hành cùng nhà trường trong việc phát huy khả năng và tiềm năng của trẻ.

Thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ chuyên biệt: Trên địa bàn thành phố chưa có trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập, chưa hình thành hệ thống phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại các trường, cũng như mạng lưới giáo viên hỗ trợ. Trang thiết bị, đồ dùng, học liệu, đồ chơi chuyên biệt phục vụ cho công tác giáo dục trẻ khuyết tật còn rất hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu dạy học và can thiệp cá nhân.

Nguồn lực đầu tư và chính sách hỗ trợ còn hạn chế: Kinh phí dành cho hoạt động giáo dục hòa nhập và phát triển dịch vụ hỗ trợ trẻ khuyết tật còn phân tán, chưa được bố trí ổn định và lâu dài. Một số chính sách hỗ trợ người khuyết tật, đặc biệt là trẻ khuyết tật học hòa nhập, chưa được triển khai đầy đủ; chính sách hỗ trợ đối với giáo viên và cán bộ làm công tác chuyên biệt chưa tạo được động lực khuyến khích và gắn bó lâu dài với nghề.

Nhận thức xã hội chưa đầy đủ về giáo dục hòa nhập: Nhận thức của một bộ phận phụ huynh, cộng đồng và đội ngũ quản lý, giáo viên về quyền và khả năng học tập của trẻ khuyết tật còn hạn chế, dẫn đến việc chưa quan tâm, hỗ trợ đầy đủ trong quá trình tiếp cận giáo dục.

Tóm lại, công tác giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trên địa bàn thành phố Huế đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần bảo đảm quyền học tập và tạo cơ hội phát triển cho trẻ khuyết tật. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế về cơ sở vật chất, năng lực đội ngũ và nhận thức xã hội. Thời gian tới, thành phố Huế cần thành lập hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập và đẩy mạnh tuyên truyền, hướng tới môi trường học tập bình đẳng và toàn diện cho mọi học sinh.

PHẦN II
NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. QUAN ĐIỂM

1. Thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển giáo dục đối với người khuyết tật; cụ thể hóa Kết luận số 91-KL/TW năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; gắn với thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 24/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (nay là Thành ủy) về xây dựng thành phố Huế trở thành một trong những trung tâm lớn của cả nước về giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao giai đoạn 2021–2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

2. Phát triển hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập phải gắn với quy hoạch tổng thể phát triển đô thị và quy hoạch sử dụng đất của thành phố, đảm bảo tính mở, linh hoạt và bền vững, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người

khuyết tật. Giáo dục hòa nhập là phương thức chủ đạo, hướng đến bảo đảm mọi người khuyết tật đều được học tập trong môi trường phù hợp, hoàn thành giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và có cơ hội học tập suốt đời.

3. Củng cố, phát triển các cơ sở giáo dục hiện có theo hướng người khuyết tật tiếp cận được giáo dục, tiến tới hoàn thiện hệ thống giáo dục hòa nhập trên địa bàn. Việc xây dựng trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm quyền tiếp cận giáo dục của người khuyết tật, đồng thời kế thừa, phát huy hiệu quả của mạng lưới cơ sở giáo dục hiện có, phù hợp với đặc điểm dân cư và điều kiện từng khu vực, tạo thuận lợi tối đa cho học sinh khuyết tật được học tập, can thiệp sớm và hòa nhập cộng đồng.

4. Đảm bảo nguồn lực phát triển hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập từ ngân sách địa phương, đồng thời huy động đa dạng các nguồn lực xã hội hóa. Có cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hỗ trợ, đồng hành trong công tác giáo dục người khuyết tật. Việc phát triển hệ thống trung tâm phải gắn với mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của thành phố theo hướng đô thị trực thuộc trung ương, bảo đảm công bằng trong giáo dục, nâng cao chất lượng ở vùng khó khăn và quan tâm đến các nhóm yếu thế.

5. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế trong lĩnh vực giáo dục người khuyết tật; tiếp thu và nhân rộng các mô hình giáo dục hiệu quả như giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập và giáo dục chuyên biệt. Khuyến khích giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ và phương pháp giáo dục hiện đại nhằm nâng cao năng lực đội ngũ và chất lượng hoạt động của hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trong hệ thống giáo dục quốc dân bảo đảm về số lượng, cơ cấu và chất lượng, đáp ứng yêu cầu bảo đảm cơ hội công bằng trong tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ giáo dục có chất lượng và nhu cầu học tập suốt đời đối với người khuyết tật.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

- 100% các cơ sở giáo dục xây dựng mới phải bảo đảm điều kiện tiếp cận và sử dụng cho người khuyết tật.

- Thành lập và đưa vào hoạt động 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập, có chức năng hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở giáo dục và tư vấn cho Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác quản lý hệ thống cơ sở giáo dục đối với người khuyết tật trên địa bàn thành phố.

- Bảo đảm 100% phường, xã có tổ chức lớp chuyên biệt tại các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

- Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về kiến thức, kỹ năng bảo vệ, chăm sóc, giáo dục học sinh khuyết tật; được bảo đảm các chế độ, chính sách theo quy định.

- Phát triển loại hình tư thục đối với trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, phấn đấu mỗi xã/phường có ít nhất một trung tâm.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng, gia đình và nhà trường về quyền học tập và phát triển của người khuyết tật.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

- Thành lập và đưa vào hoạt động thêm 01 trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập, có chức năng hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở giáo dục và tư vấn cho Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác quản lý hệ thống cơ sở giáo dục đối với người khuyết tật trên địa bàn thành phố.

- Hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động hiệu quả, đảm bảo người khuyết tật có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận giáo dục có chất lượng, hoàn thành giáo dục bắt buộc, mở ra cơ hội học tập suốt đời nhằm phát triển tối đa tiềm năng của cá nhân và có những đóng góp tích cực cho xã hội.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

1. Đối tượng

- Trẻ em, học sinh khuyết tật trong độ tuổi giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục nghề nghiệp có nhu cầu được hỗ trợ học tập, can thiệp sớm, hướng nghiệp và hòa nhập cộng đồng.

- Giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ giáo dục đặc thù đang công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

- Phụ huynh, người chăm sóc trẻ khuyết tật và các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

2. Phạm vi

- Hệ thống các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập thuộc mạng lưới giáo dục quốc dân và các cơ sở giáo dục được giao nhiệm vụ hỗ trợ giáo dục hòa nhập trong hệ thống giáo dục.

- Các cơ quan, tổ chức, các cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và cá nhân có liên quan trên phạm vi toàn thành phố.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến giáo dục đối với người khuyết tật, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Thực hiện quy định về vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, định mức nhân sự trong các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập và trong các cơ sở giáo dục thực hiện giáo dục hòa nhập, nhằm bảo đảm điều kiện tổ chức dạy học và hỗ trợ người khuyết tật hiệu quả theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Triển khai bộ tiêu chí đảm bảo chất lượng đối với hệ thống các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; quy định cụ thể về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ, chương trình, phương pháp và dịch vụ hỗ trợ nhằm chuẩn hóa, nâng cao chất lượng giáo dục cho người khuyết tật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đại diện của cơ sở giáo dục nơi người được xác định mức độ khuyết tật đang theo học, tích cực cung cấp thông tin chính xác, bao gồm những khó khăn trong học tập, sinh hoạt, giao tiếp và kiến nghị về dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH; nghiêm túc cử đại diện dự họp xác định mức độ khuyết tật cùng Hội đồng xác định mức độ khuyết tật khi được mời.

- Xây dựng và ban hành chính sách đầu tư, khuyến khích nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đối với người khuyết tật; ưu tiên các đề tài, dự án nghiên cứu về phương pháp giảng dạy, công cụ hỗ trợ, can thiệp sớm, phục hồi chức năng và hòa nhập xã hội cho người khuyết tật trên địa bàn thành phố.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về hội nhập quốc tế, xã hội hóa giáo dục đối với người khuyết tật theo hướng công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư, tổ chức xã hội và các bên liên quan; khuyến khích khu vực tư nhân, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

2. Phát triển nguồn nhân lực

- Quy hoạch hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cấp thành phố, đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt về chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục người khuyết tật, có chức năng tư vấn cho Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc xây dựng chiến lược, chính sách, tiêu chuẩn và quản lý hệ thống cơ sở giáo dục đối với người khuyết tật.

- Đa dạng hóa chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa trình độ, năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm đặc thù. Nội dung đào tạo gắn với thực tiễn, phù hợp với từng dạng tật và mức độ khuyết tật, bảo đảm khả năng đáp ứng đa dạng nhu cầu hỗ trợ học sinh khuyết tật trong môi trường hòa nhập.

- Triển khai chương trình bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ hỗ trợ người khuyết tật cho giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hỗ trợ tại các cơ sở giáo dục. Cập nhật các công nghệ hiện đại, phần mềm hỗ trợ học tập, thiết bị trợ giúp và giải pháp công nghệ thông tin phù hợp với từng dạng khuyết tật, góp phần thúc đẩy giáo dục cá thể hóa và chuyển đổi số trong giáo dục dành cho người khuyết tật.

- Xây dựng hệ thống dự báo cung – cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực giáo dục người khuyết tật, đặc biệt là giáo viên và nhân viên hỗ trợ. Tăng cường sự phối hợp của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo sư phạm và các viện nghiên cứu trong công tác dự báo, quy hoạch quy mô đào tạo, đồng thời cập nhật, đổi mới nội dung và phương pháp bồi dưỡng để bảo đảm cung ứng đủ nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để mỗi cơ sở giáo dục thực hiện giáo dục hòa nhập có ít nhất một nhân sự là người khuyết tật, góp phần thực hiện bình đẳng, trao quyền và phát huy vai trò, năng lực của người khuyết tật trong lĩnh vực giáo dục.

- Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, bảo đảm đáp

ứng yêu cầu đổi mới chương trình, phương pháp dạy học và hỗ trợ học sinh khuyết tật trong giáo dục hòa nhập.

- Huy động và phát triển đội ngũ tình nguyện viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật thông qua các tổ chức xã hội, đoàn thể, cơ sở đào tạo và cộng đồng; tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn kỹ năng hỗ trợ, khuyến khích tinh thần nhân ái, trách nhiệm xã hội trong việc đồng hành cùng người khuyết tật trong học tập và hòa nhập.

3. Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ

- Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn liên quan đến môi trường trong quá trình xây dựng và đưa vào hoạt động của các cơ sở giáo dục người khuyết tật.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về công nghệ hỗ trợ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hỗ trợ tại các cơ sở giáo dục; bảo đảm thường xuyên cập nhật các công nghệ mới phù hợp với từng dạng khuyết tật.

- Tăng cường cập nhật và kết nối dữ liệu về người khuyết tật trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và giáo dục. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và truyền thông trong dạy học, quản lý, theo dõi, đánh giá và hỗ trợ người khuyết tật học tập suốt đời.

- Nghiên cứu, phát triển và chia sẻ nguồn học liệu số dùng chung, bảo đảm tính mở, dễ truy cập, thân thiện với người khuyết tật. Khuyến khích sự tham gia của các cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, các tổ chức của người khuyết tật, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục hòa nhập.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông và kỹ thuật số trong công tác dạy học và quản lý giáo dục người khuyết tật; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người khuyết tật của địa phương, bảo đảm kết nối đồng bộ với hệ thống quốc gia.

- Tăng cường liên kết, hợp tác giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, trường đại học, cơ sở đào tạo và cơ sở giáo dục chuyên biệt nhằm hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ phục vụ giáo dục người khuyết tật.

- Xây dựng nền tảng số quản lý hồ sơ người khuyết tật theo mã định danh, tích hợp với Cơ sở dữ liệu giáo dục và Cơ sở dữ liệu dân cư.

- Ứng dụng công nghệ trợ giúp: phần mềm giao tiếp, thiết bị hỗ trợ di chuyển, thiết bị hỗ trợ thính giác - thị giác, bảng tương tác, học liệu số.

- Triển khai hệ thống đánh giá - theo dõi tiến bộ học sinh trên môi trường số, sử dụng AI phân tích hành vi học tập.

4. Liên kết hợp tác quốc tế

- Đẩy mạnh công tác trao đổi, nghiên cứu, học tập và chia sẻ kinh nghiệm quốc tế trong giáo dục người khuyết tật; tổ chức các chương trình tham quan, khảo sát, hội thảo, tọa đàm quốc tế, qua đó tiếp thu những mô hình, phương pháp, công nghệ và chính sách tiên tiến để vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục người khuyết tật, bảo đảm có kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc trong môi trường đa văn hóa, năng lực hội nhập quốc tế đáp ứng

yêu cầu của giai đoạn mới. Đồng thời, khuyến khích đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia các chương trình trao đổi, nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo quốc tế để nâng cao trình độ và mở rộng mạng lưới hợp tác.

5. Huy động và phân bổ vốn đầu tư

- Tập trung nguồn lực đầu tư và tăng cường hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy học và giáo dục đối với người khuyết tật. Bảo đảm các hạng mục đầu tư được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục hòa nhập trong giai đoạn mới.

- Đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật theo hướng đồng bộ, hiện đại, thân thiện, an toàn và có khả năng tiếp cận cao; từng bước đạt trình độ tiên tiến của khu vực và phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia về trường học an toàn, trường học hòa nhập.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục người khuyết tật, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo kinh phí đầu tư thường xuyên và lâu dài cho công tác giáo dục người khuyết tật. Đồng thời, tranh thủ sự hỗ trợ, viện trợ, tài trợ về kinh phí, kỹ thuật, thiết bị và kinh nghiệm từ các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các cá nhân trong và ngoài nước để triển khai và thực hiện có hiệu quả quy hoạch.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục và hỗ trợ người khuyết tật, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia đầu tư, tài trợ, cung cấp dịch vụ giáo dục, phục hồi chức năng, tư vấn và hỗ trợ người khuyết tật. Tăng cường hợp tác, liên kết với các đối tác trong nước nhằm huy động tối đa các nguồn lực tài chính, kỹ thuật và nhân lực cho công tác giáo dục người khuyết tật, góp phần xây dựng hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập bền vững, hiệu quả.

6. Đổi mới mô hình quản lý, phương thức hoạt động

- Phát triển các mô hình quản lý cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật theo hướng hiện đại, linh hoạt và hiệu quả, phù hợp với đặc điểm, nhu cầu và điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Khuyến khích xây dựng mô hình cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật đa dạng tật, đa cấp học, có khả năng cung cấp dịch vụ giáo dục, can thiệp sớm, tư vấn tâm lý, phục hồi chức năng và hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập trong cộng đồng.

- Tăng cường cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở giáo dục chuyên biệt, cơ sở giáo dục phổ thông có học sinh khuyết tật học hòa nhập, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, các cơ sở bảo trợ xã hội, y tế, lao động – thương binh và xã hội, nhằm tạo thành mạng lưới hỗ trợ đồng bộ, liên thông và bền vững cho người khuyết tật trong suốt quá trình học tập và phát triển.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng phương thức giáo dục bán hòa nhập, bảo đảm đáp ứng tối đa nhu cầu học tập, khả năng phát triển và hòa nhập xã hội của người khuyết tật. Tăng cường đầu tư về đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và học liệu phù hợp; đồng thời, đổi mới công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng giáo dục người khuyết tật để bảo đảm tính hiệu quả, công bằng và bền vững.

- Tăng cường phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý của Sở Tư pháp nhằm đảm bảo thực hiện quyền của người được trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật.

7. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện Đề án

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục đối với người khuyết tật, cũng như mục tiêu, nội dung và định hướng của Đề án. Phát huy tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng và toàn xã hội trong việc tham gia, phối hợp, hỗ trợ công tác giáo dục và phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để người khuyết tật, gia đình người khuyết tật và cộng đồng tham gia giám sát việc thực hiện Đề án, góp phần bảo đảm tính công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp thực tiễn. Đồng thời, tăng cường cơ chế phản hồi, đối thoại giữa cơ quan quản lý với các đối tượng thụ hưởng chính sách, nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch khi cần thiết.

- Đẩy mạnh công tác theo dõi, đánh giá, thanh tra, kiểm tra và giám sát việc triển khai thực hiện Đề án tại các địa phương, cơ sở giáo dục, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, xử lý những vướng mắc, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong việc thực hiện, giám sát và đánh giá Đề án; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, tổng kết, rút kinh nghiệm, đề xuất điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục đối với người khuyết tật trong từng giai đoạn.

V. ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Địa điểm xây dựng

Địa điểm xây dựng trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2025-2030: Dự kiến phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

Địa điểm xây dựng trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2030-2050: Dự kiến xã Phú Lộc, thành phố Huế.

2. Khái toán kinh phí

Quy mô phục vụ 120 - 300 học sinh; diện tích đất khoảng 5.000 m²; diện tích sàn xây dựng khoảng 4.000 m² (2–3 tầng). Khái toán dưới đây bao gồm đầy đủ các hạng mục để hình thành một trung tâm cấp tỉnh, tính theo mặt bằng giá xây dựng năm 2025.

Tổng kinh phí khái toán thực hiện Đề án giai đoạn 2025-2030: 62,562 tỷ đồng *(Sáu mươi hai tỷ, năm trăm sáu mươi hai triệu đồng)*. Cụ thể như sau:

- Quy mô diện tích: 5000 m², chi tiết xem Phụ lục 7 (*đính kèm*)

- Bảng khái toán tổng mức đầu tư dự án: 59,562 tỷ, xem Phụ lục 8 (*đính kèm*).

- Chi phí khởi động hoạt động và chuyên môn: 3,0 tỷ, xem Phụ lục 9 (*đính kèm*)

- Kinh phí vận hành khi trung tâm đi vào hoạt động: 817 triệu đồng/tháng *(Tám trăm mười bảy triệu đồng)*. Trong đó:

+ Dự toán tiền lương 54 người: 700 triệu đồng/tháng

+ Kinh phí chi thường xuyên: 117 triệu đồng/tháng

3. Nguồn kinh phí

- Kinh phí thực hiện dự án đầu tư xây dựng (bao gồm kinh phí xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm trang thiết bị đồ dùng chuyên dùng và kinh phí quản lý dự án, tư vấn, dự phòng): bố trí từ nguồn vốn ngân sách đầu tư công và nguồn các chương trình, đề án, huy động, tài trợ, viện trợ hợp pháp (nếu có).

- Kinh phí khởi động hoạt động và chuyên môn: Bố trí từ nguồn sự nghiệp chi thường xuyên và các nguồn huy động hợp pháp khác để thực hiện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Đề án bảo đảm hiệu quả, đúng tiến độ; hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra, tổng hợp và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

- Chủ trì và phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng Đề án thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập trên địa bàn thành phố, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quản lý, chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ đối với lĩnh vực giáo dục người khuyết tật.

- Huy động nguồn lực và đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong giáo dục học sinh khuyết tật.

- Phối hợp các sở, ngành triển khai chính sách đối với người khuyết tật liên quan đến trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

2. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nâng cao nhận thức trong trường học và cộng đồng về phát hiện sớm, can thiệp sớm và phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất dự toán kinh phí thực hiện các nội dung thuộc Đề án và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan để rà soát và tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo ứng dụng khoa học, công nghệ hỗ trợ người khuyết tật, bảo đảm tiếp cận, mở rộng cơ hội và nâng cao hiệu quả giáo dục.

5. Sở Nội vụ

- Hướng dẫn, thẩm định việc thành lập các cơ sở giáo dục công lập dành cho người khuyết tật theo quy định và phân cấp hiện hành.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu phân bổ số lượng người làm việc, hoàn thiện vị trí việc làm, thực hiện sắp xếp, bố trí, sử dụng, giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập dành cho người khuyết tật theo quy định.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đưa Đề án thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập vào quy hoạch của thành phố; đồng thời hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng cơ sở vật chất của trung tâm này.

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, hướng dẫn thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ giáo dục.

8. Sở Tư pháp

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến giáo dục đối với người khuyết tật địa bàn thành phố thực hiện đồng bộ, thống nhất.

- Chỉ đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố tăng cường giải pháp thực hiện trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật theo Luật Trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn thi hành.

9. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cộng đồng về giáo dục người khuyết tật.

10. Hội Người khuyết tật - Bảo trợ Người khuyết tật và Trẻ mồ côi

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong cộng đồng về quyền học tập, cơ hội phát triển của người khuyết tật. Vận động gia đình người khuyết tật tật tích cực đưa con em đến trường, tham gia các hình thức giáo dục hòa nhập.

- Phối hợp với các trường học tổ chức câu lạc bộ phụ huynh có con khuyết tật để chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ tinh thần và học tập.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Tổ chức rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục dành cho người khuyết tật trên địa bàn; triển khai thực hiện quy hoạch theo phân cấp quản lý và bố trí quỹ đất quy hoạch hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập phù hợp với định hướng quy hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phối hợp, chỉ đạo, tuyên truyền, vận động các gia đình có trẻ khuyết tật tham gia học giáo dục hòa nhập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn hoặc tham gia học tại trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập dành cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch, quy hoạch về chăm sóc, giáo dục cho người khuyết tật cấp xã, phường phù hợp với kế hoạch, quy hoạch chung của thành phố.

- Đầu tư kinh phí, huy động các nguồn lực tăng cường cơ sở vật chất cho công tác giáo dục học sinh khuyết tật.

VII. KẾT LUẬN

Giáo dục học sinh khuyết tật là một hoạt động có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, không chỉ đối với bản thân trẻ khuyết tật và gia đình mà còn đối với toàn xã hội. Việc quan tâm, đầu tư phát triển giáo dục cho học sinh khuyết tật thể hiện rõ chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng, công bằng và quyền được học tập của mọi công dân, góp phần xây dựng một xã hội tiến bộ và nhân ái.

Phát triển hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập là nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo lập môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, trong đó mọi người, đặc biệt là trẻ khuyết tật, đều có cơ hội được tham gia, học tập, phát triển năng lực bản thân và hòa nhập cộng đồng. Các trung tâm không chỉ là nơi hỗ trợ chuyên môn cho nhà trường, giáo viên và phụ huynh mà còn là cầu nối giữa ngành giáo dục với các ngành, tổ chức và cộng đồng trong công tác chăm lo, hỗ trợ người khuyết tật học tập suốt đời.

Thực hiện thành công Đề án "Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2025–2030, tầm nhìn đến năm 2045" có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là cơ sở để từng bước hoàn thiện mạng lưới cơ sở hỗ trợ giáo dục hòa nhập trên địa bàn thành phố, bảo đảm tính đồng bộ, bền vững và hiệu quả.

Hiệu quả của Đề án mang lại không chỉ là nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đối với học sinh khuyết tật, mà còn góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội, đảm bảo an sinh, công bằng và tiến bộ xã hội theo tinh thần chủ trương của Đảng và Nhà nước./.

Phụ lục 1

THỐNG KÊ DÂN SỐ KHUYẾT TẬT TRONG ĐỘ TUỔI ĐẾN TRƯỜNG THEO DẠNG TẬT

(Kèm theo Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Độ tuổi	Tổng số trẻ khuyết tật	Chia ra		Chia theo dạng khuyết tật						Ghi chú
			Trẻ đang học tại cơ sở giáo dục công lập	Trẻ không học tại cơ sở giáo dục tư thục	Khuyết tật vận động	Khuyết tật nghe - nói	Khuyết tật nhìn	Khuyết tật thần kinh, tâm thần	Khuyết tật trí tuệ	Khuyết tật khác	
TỔNG		**1905**	**1673**	**232**	**297**	**172**	**61**	**154**	**671**	**550**	
I	**0-5 tuổi**	**139**	**127**	**12**	**23**	**11**	**3**	**8**	**46**	**48**	
1	1 tuổi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	2 tuổi	4	2	2	1	0	0	0	0	3	
3	3 tuổi	23	20	3	4	1	1	2	6	9	
4	4 tuổi	40	38	2	5	3	0	1	14	17	
5	5 tuổi	72	67	5	13	7	2	5	26	19	
II	**6-10 tuổi**	**782**	**743**	**39**	**108**	**69**	**20**	**54**	**291**	**240**	
1	6 tuổi	101	92	9	15	10	2	8	34	32	
2	7 tuổi	153	144	9	24	18	5	7	53	46	
3	8 tuổi	161	153	8	21	13	2	11	73	41	
4	9 tuổi	182	177	5	25	10	4	12	61	70	
5	10 tuổi	185	177	8	23	18	7	16	70	51	
III	**11-14 tuổi**	**693**	**42**	**51**	**125**	**73**	**27**	**68**	**220**	**180**	

TT	Độ tuổi	Tổng số trẻ khuyết tật	Chia ra		Chia theo dạng khuyết tật						Ghi chú
			Trẻ đang học tại cơ sở giáo dục công lập	Trẻ không học tại cơ sở giáo dục tư thục	Khuyết tật vận động	Khuyết tật nghe - nói	Khuyết tật nhìn	Khuyết tật thần kinh, tâm thần	Khuyết tật trí tuệ	Khuyết tật khác	
TỔNG		**1905**	**1673**	**232**	**297**	**172**	**61**	**154**	**671**	**550**	
1	11 tuổi	143	130	13	28	4	5	12	56	38	
2	12 tuổi	186	182	4	39	6	8	18	52	63	
3	13 tuổi	194	173	21	36	16	6	16	68	52	
4	14 tuổi	170	157	13	22	47	8	22	44	27	
IV	**15-18 tuổi**	**291**	**161**	**130**	**41**	**19**	**11**	**24**	**114**	**82**	
1	15 tuổi	72	50	22	8	4	3	8	30	19	
2	16 tuổi	78	50	28	11	4	1	6	36	20	
3	17 tuổi	80	44	36	16	4	5	6	38	11	
4	18 tuổi	58	16	42	5	6	2	4	9	32	
5	19 tuổi	3	1	2	1	1	0	0	1	0	

Phụ lục 2

QUY MÔ TUYỂN SINH TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP THỜI KỲ 2021-2030

(Kèm theo Quyết định số 3176 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Năm học	Lớp trẻ mầm non		Lớp Tiểu học		Lớp THCS		Lớp THPT		Tổng cộng	
	Số lớp	Trẻ	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh	Số lớp	Học sinh
Năm thứ 1 2026-2027	1	12	1	12					2	24
Năm thứ 2 2027-2028	2	24	2	24					4	48
Năm thứ 3 2028-2029	3	36	3	36	1	12			7	84
Năm thứ 4 2029-2030	4	48	4	48	2	24	1	12	11	132

(Ghi chú: Theo quy định tại Thông tư 20/2022/TT-BGDĐT: mỗi lớp học sinh khuyết tật không quá 12 học sinh)

Phụ lục 3

DỰ KIẾN TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ SỐ LƯỢNG THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM

(Kèm theo Quyết định số 3176 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Vị trí công việc	Số lượng
Thời kỳ 2026 – 2030: Quy mô 11 lớp dự kiến: 4 lớp MG 5-6 tuổi; 4 lớp Tiểu học; 2 lớp THCS; 1 lớp THPT Số lượng người làm việc: 54 người		
I	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**	**03**
1	Giám đốc Trung tâm	01
2	Phó giám đốc Trung tâm	02
II.	**Vị trí việc làm nghiệp vụ, chuyên ngành**	**39**
1	Giáo viên Mầm non	10
2	Giáo viên Tiểu học	04
3	Giáo viên Trung học cơ sở	04
4	Giáo viên Trung học phổ thông	03
5	Giáo vụ	01
6	Tư vấn học sinh (Tâm lý, trị liệu ngôn ngữ, trị liệu nghề, vật lý trị liệu, công tác xã hội)	06
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	10
8	Thiết bị, thí nghiệm	01
III	**Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung:** Kế toán: 01, văn thư: 01, thư viện: 01, nhân viên y tế: 01	**04**
IV	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**	**08**
1	Nhân viên Bảo vệ	02
2	Nhân viên Phục vụ	02
3	Nhân viên Nấu ăn	04
Tổng		**54**

(Vận dụng Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phụ lục 4

KINH PHÍ ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN GIÁO VIÊN VÀ CÁN BỘ TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP

(Kèm theo Quyết định số 3176 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lớp /khoá	Số lượng học viên	Đơn giá bình quân (triệu đồng/lớp)	Thành tiền (triệu đồng)
1	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giáo dục hòa nhập cho cán bộ quản lý.	Ban Giám đốc, tổ trưởng chuyên môn, chuyên viên phụ trách.	1	20	120	120
2	Tập huấn chuyên sâu về can thiệp sớm, đánh giá trẻ khuyết tật, lập kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP).	Giáo viên, chuyên viên can thiệp.	2	50	150	300
3	Tập huấn kỹ năng hỗ trợ hòa nhập trong lớp học, thiết kế môi trường học tập phù hợp.	Giáo viên trực tiếp dạy hòa nhập.	2	60	120	240
4	Tập huấn phục hồi chức năng, trị liệu ngôn ngữ, vận động, giác quan	Nhân viên trị liệu, cán bộ phục hồi chức năng.	1	30	150	150
5	Tập huấn công tác tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh khuyết tật.	Cán bộ tư vấn, giáo viên hướng nghiệp.	1	25	100	100
6	Bồi dưỡng ứng dụng CNTT, phần mềm hỗ trợ giảng dạy cho học sinh khuyết tật.	Toàn bộ cán bộ, giáo viên.	1	40	80	80
7	Hội thảo chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm giáo dục hòa nhập.	Toàn thể cán bộ, giáo viên trung tâm và khách mời.	1	100	200	200
8	Biên soạn, in ấn tài liệu bồi dưỡng, tài liệu hướng dẫn chuyên môn.	-	-	-	-	150
9	Chi phí quản lý, tổ chức lớp học, mời giảng viên, chuyên gia, cơ sở vật chất, tài liệu.	-	-	-	-	160
	Tổng cộng					**1.500**

Phụ lục 5

KINH PHÍ BIÊN SOẠN TÀI LIỆU, GIÁO TRÌNH CHUYÊN MÔN CHO TRUNG TÂM

(Kèm theo Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung biên soạn	Quy mô/Sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng/đơn vị)	Thành tiền (triệu đồng)
1	Biên soạn Tài liệu hướng dẫn đánh giá và can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật.	01 bộ tài liệu (150 trang)	Bộ	1	120	120
2	Biên soạn Giáo trình hướng dẫn lập kế hoạch giáo dục cá nhân (IEP).	01 bộ (100 trang)	Bộ	1	100	100
3	Biên soạn Tài liệu tập huấn kỹ năng giáo dục hòa nhập và hỗ trợ học sinh khuyết tật trong lớp học.	01 bộ (200 trang)	Bộ	1	150	150
4	Biên soạn Sổ tay hướng dẫn tư vấn tâm lý, hướng nghiệp cho học sinh khuyết tật.	01 sổ tay (100 trang)	Bộ	1	80	80
5	Biên soạn Tài liệu phục hồi chức năng – trị liệu ngôn ngữ, vận động, giác quan.	01 bộ (150 trang, kèm minh họa)	Bộ	1	150	150
6	Biên tập, chỉnh lý, in ấn, số hóa và phát hành tài liệu (in ấn 200 bản/bộ, lưu hành nội bộ).	Chi phí in ấn, thiết kế, bản quyền	Gói	1	200	200
	Tổng cộng					**800**

Phụ lục 6

KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN, TRUYỀN THỐNG VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP

(Kèm theo Quyết định số 3176 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung hoạt động	Mục tiêu/Đối tượng hướng tới	Hình thức thực hiện	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
1	Tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến chính sách giáo dục hòa nhập.	Cán bộ quản lý giáo dục, đại diện địa phương, phụ huynh, giáo viên	02 hội nghị cấp tỉnh	Hội nghị	2	100	200
2	Biên soạn, in ấn tờ rơi, poster, sổ tay tuyên truyền về quyền học tập của trẻ khuyết tật.	Phụ huynh, cộng đồng	Gói sản phẩm in ấn (3.000 bản)	Gói	1	50	50
3	Thực hiện chuyên mục phát thanh, truyền hình và bài viết tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Cộng đồng xã hội, người dân	Phóng sự, bản tin, bài viết	Gói	1	150	150
4	Xây dựng chuyên trang/website, fanpage tuyên truyền về giáo dục hòa nhập.	Cán bộ, giáo viên, phụ huynh, người dân	Xây dựng và duy trì trong 3 năm	Gói	1	100	100
5	Tổ chức chuỗi hoạt động truyền thông cộng đồng, ngày hội hòa nhập, triển lãm tranh, sản phẩm học sinh khuyết tật.	Cộng đồng, học sinh, phụ huynh	Sự kiện truyền thông trực tiếp	Sự kiện	2	65	130
6	Chi phí quản lý, phối hợp, hậu cần, thuê địa điểm, phương tiện kỹ thuật.	-	-	Gói	1	70	70
	Tổng cộng						**700**

Phụ lục 7: BẢNG TÍNH QUY MÔ DIỆN TÍCH

(Kèm theo Quyết định số 3176 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Tổng số học sinh: **120- 300 học sinh** 100 hs nội trú

Tổng số lớp: **10-20 lớp**

Tổng số CB,GV,NV: **54 người** Diện tích đất khoảng: 5.000 m2

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Diện tích theo tiêu chuẩn (m2)	Quy mô tính toán (m2)	Diện tích sử dụng (m2)	Hệ số sử dụng (k)	Tổng diện tích sàn tính toán (m2)
I	**Khu hành chính, điều hành**				**132.0**		**220.0**
1	Giám đốc	1	12-15	15	15.0	0.60	25.0
2	Phó Giám đốc	1	10-12	12	12.0	0.60	20.0
3	Phòng tiếp khách, họp nhỏ	1	≥ 18	18	18.0	0.60	30.0
4	Các phòng ban, văn phòng (7 người)	9	≥ 6/ng	7	63.0	0.60	105.0
5	Khu vệ sinh CBQL, giáo viên	1	24	24	24.0	0.60	40.0
II	**Khu chuyên môn hỗ trợ - đánh giá**						**574.0**
1	**Nhóm phòng đánh giá – chẩn đoán**						
	- Phòng đánh giá tâm lý – hành vi	1	12-15	15.0	15.0	0.50	30.0
	- Phòng đánh giá ngôn ngữ – giao tiếp	1	12-15	15.0	15.0	0.50	30.0
	- Phòng họp hội chẩn chuyên môn	1	18-24	24.0	24.0	0.50	48.0
2	**Nhóm phòng trị liệu – can thiệp cá nhân**						
	- Phòng âm ngữ trị liệu cá nhân	1	10-12	12.0	12.0	0.50	24.0
	- Phòng can thiệp sớm	1	15-20	20.0	20.0	0.50	40.0
	- Phòng trị liệu tâm lý cá nhân	1	10-12	12.0	12.0	0.50	24.0
	- Phòng giáo dục kỹ năng sống	1	20-30	30.0	30.0	0.50	60.0
	- Phòng hỗ trợ học tập cá biệt	1	10-12	12.0	12.0	0.50	24.0
3	**Nhóm phòng trị liệu chức năng – vận động**						
	- Phòng vận động (thô, tinh)	2	20	20.0	40.0	0.50	80.0
	- Phòng trị liệu giác quan	1	30-40	40.0	40.0	0.50	80.0
	- Phòng trị liệu đa năng	1	30-40	40.0	40.0	0.50	80.0
4	**Nhóm phòng trị liệu chức năng – vận động**						
	- Phòng tư vấn phụ huynh	1	12-15	15.0	15.0	0.50	30.0
	- Phòng lưu trữ hồ sơ chuyên môn	1	9-12	12.0	12.0	0.50	24.0
III	**Khu học tập – hướng nghiệp**						**1,164.0**
	- Phòng học văn hóa	10	1,5/hs	40	400.0	0.50	800.0
	- Phòng học cá nhân	3	24	24	72.0	0.50	144.0
	- Phòng tin học	1	50	50	50.0	0.50	100.0
	- Phòng hướng nghiệp	1	60	60	60.0	0.50	120.0
IV	**Khu nội trú – bán trú học sinh**						**1,272.0**
	- Nhà ở nội trú (100 học sinh),	1	4/hs	400	400.0	0.50	800.0
	- Phòng quản lý học sinh	1	9	9	9.0	0.50	18.0
	- Nhà ăn	1	35%TSHS +GV; 0,75/hs	92.925	100.0	0.50	200.0
	- Nhà bếp một chiều	1	0,3/hs	90	90.0	0.50	180.0
	- Nhà kho	1	12	12	12.0	0.50	24.0
	- Nhà giặt, phơi	1	25	25	25.0	0.50	50.0

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Diện tích theo tiêu chuẩn (m2)	Quy mô tính toán (m2)	Diện tích sử dụng (m2)	Hệ số sử dụng (k)	Tổng diện tích sàn tính toán (m2)
V	**Khu sinh hoạt cộng đồng, hội trường đa năng**						**900.0**
	- Hội trường	1			450.0	0.50	900.0
	- Sân khấu	1					
	- Phòng điều khiển	1	450				
	- Phòng hậu trường	1					
	- Kho thiết bị	1					
VI	**Hạng mục phụ trợ**						
1	Cổng, hàng rào	1					300.0
2	Phòng bảo vệ	2	12	12	24.0	1.00	24.0
4	Khu để xe	1					300.0
7	Nhà cầu nối	1					200.0
8	Sân đường nội bộ, cây xanh	1					1,500.0
VII	**Hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà**						
1	Hệ thống cấp điện	1					1.0
2	Hệ thống cấp thoát nước	1					1.0
3	Hệ thống PCCC	1					1.0
4	Hạ tầng CNTT, liên lạc	1					1.0
5	Khu thu gom rác	1					1.0

Phụ lục 8: BẢNG KHÁI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 3176 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Hạng mục	Cách tính		Thành tiền	Ghi chú
		Số lượng	Đơn giá		
A	**Chi phí Xây dựng**			**40,725,008,000**	
1	Khối hành chính, điều hành	220	6,214,000	1,367,080,000	
2	Khối nhà chuyên môn hỗ trợ - đánh giá	574	6,214,000	3,566,836,000	
3	Khối nhà học tập - hướng nghiệp	1,164	7,423,000	8,640,372,000	
4	Khối nhà ăn + bếp, khu nội trú	1,272	7,260,000	9,234,720,000	
5	Khu sinh hoạt cộng đồng, hội trường đa năng	900	9,500,000	8,550,000,000	
6	Nhà xe học sinh và giáo viên	300	2,500,000	750,000,000	
7	Nhà bảo vệ	24	9,000,000	216,000,000	
8	Nhà cầu nối	200	5,000,000	1,000,000,000	
9	Cổng, tường rào	300	3,000,000	900,000,000	
10	Sân đường nội bộ	1,500	600,000	900,000,000	Tạm tính
11	Khu thu gom rác, xử lý nước thải	1		300,000,000	
12	Hệ thống cấp thoát nước ngoài nhà (bao gồm mương thu nước)	1		2,000,000,000	
13	Hệ thống cấp điện	1		700,000,000	
14	Hệ thống PCCC ngoài nhà (bao gồm bể nước CC)	1		1,500,000,000	
15	Hệ thống thông tin liên lạc	1		300,000,000	
16	Trồng cây xanh, thảm cỏ tiểu cảnh, chiếu sáng sân vườn	1		500,000,000	
17	Phòng chống mối mọt	1		300,000,000	
B	**Chi phí thiết bị**	**Tạm tính**		**8,500,000,000**	
C	**Chi phí Quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác**	**10%*(A+B)**		**4,922,501,000**	
D	**Chi phí dự phòng**	**10%*(A+B+C)**		**5,414,751,000**	
	Tổng cộng	**(A+B+C+D)**		**59,562,260,000**	
	Làm tròn			**59,562,000,000**	

Phụ lục 9: Chi phí khởi động hoạt động và chuyên môn

(Kèm theo Quyết định số 3176 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên hoạt động	Nội dung	Số tiền
1	Đào tạo, tập huấn cán bộ	5–6 lớp tập huấn, hợp tác chuyên gia	1,500,000,000
2	Biên soạn tài liệu, giáo trình	Tài liệu hướng dẫn, bộ công cụ đánh giá hòa nhập	800,000,000
3	Tuyên truyền, truyền thông	Hội nghị, truyền thông địa phương, tư vấn phụ huynh	700,000,000
Cộng			**3,000,000,000**